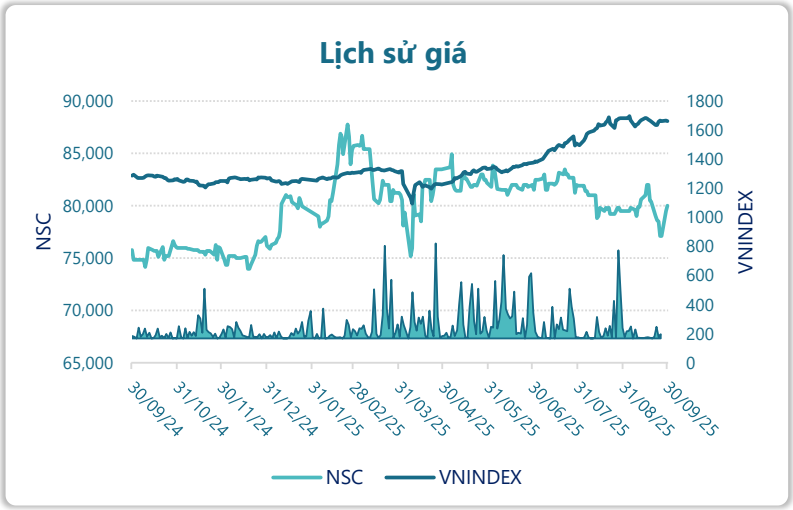
FireAnt

CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (HSX: NSC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**80,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	87,760
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	73,968
SL cổ phiếu LH	17,574,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,105
% sở hữu nước ngoài	9.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,406
P/E	6.5
EPS	12,270

DT thuần

Q3/25

493

tỷ VNĐ

QoQ: ▼175| -26.2%

YoY: ▼4.00| -0.9%

LN sau thuế

Q3/25

27.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼36.0| -56.7%

YoY: ▼9.90| -26.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.9%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

9T 2025

1,529

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.0| 3.3%

LN sau thuế

9T 2025

129

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.00| -2.5%

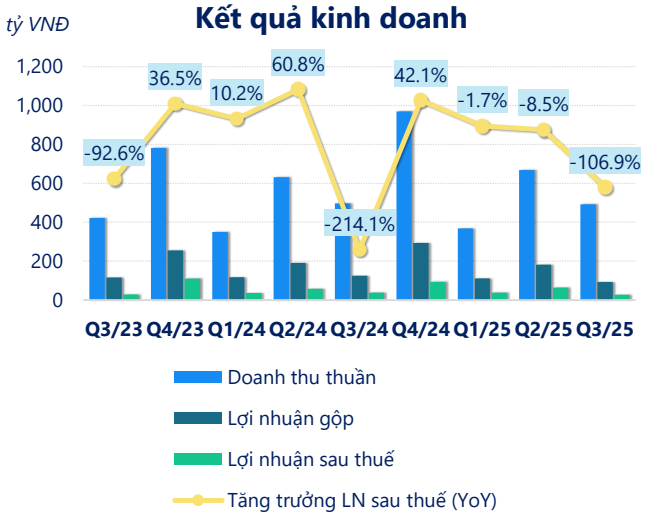
ROE

Q3/25

14.3%

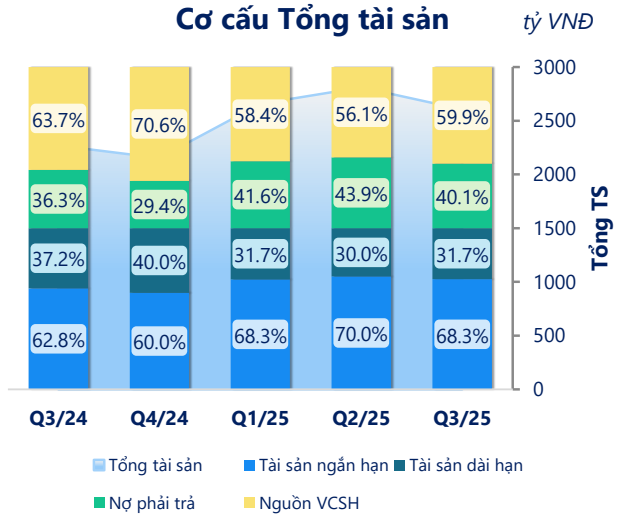
+/- YoY: ▼ 2.4%

Kết quả kinh doanh



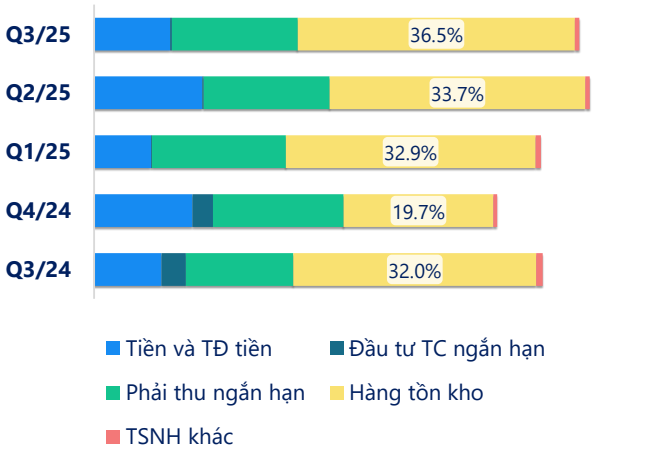
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



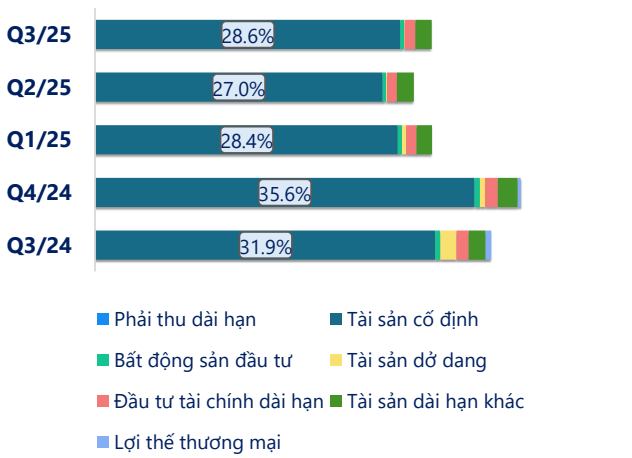
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



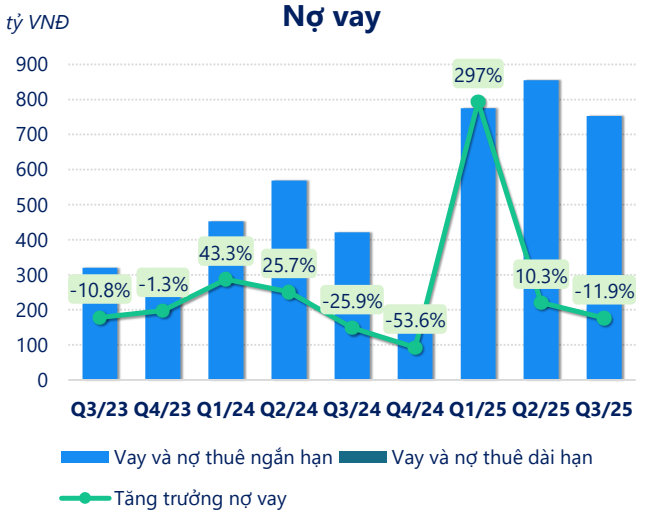
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



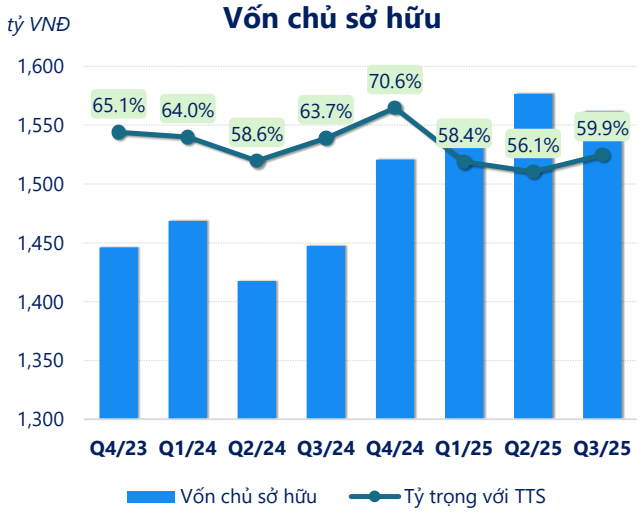
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



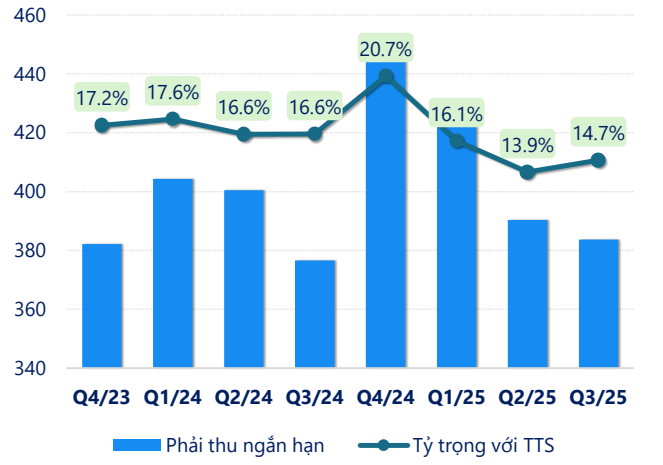
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



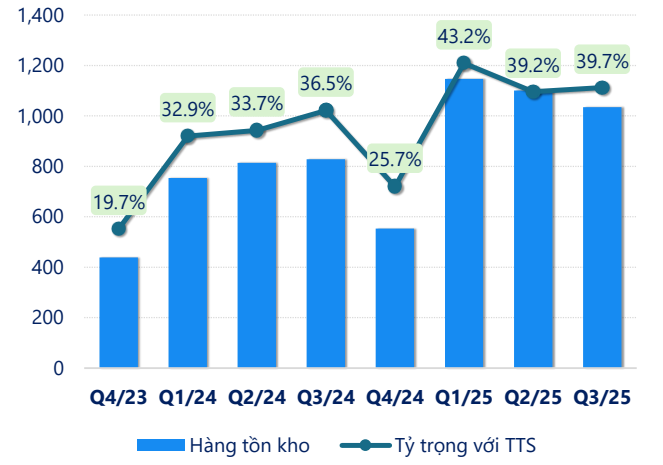
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



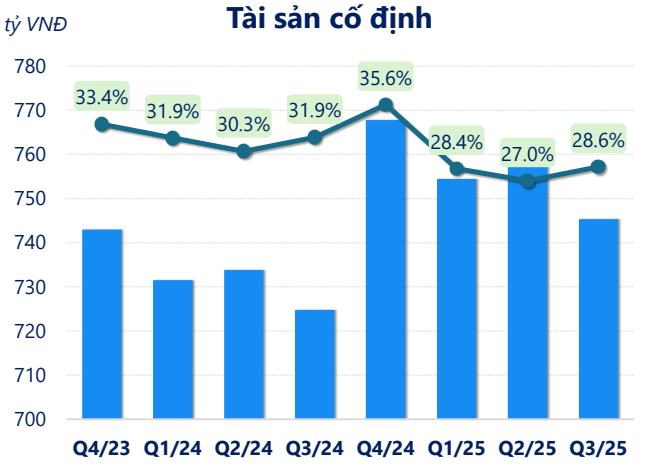
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



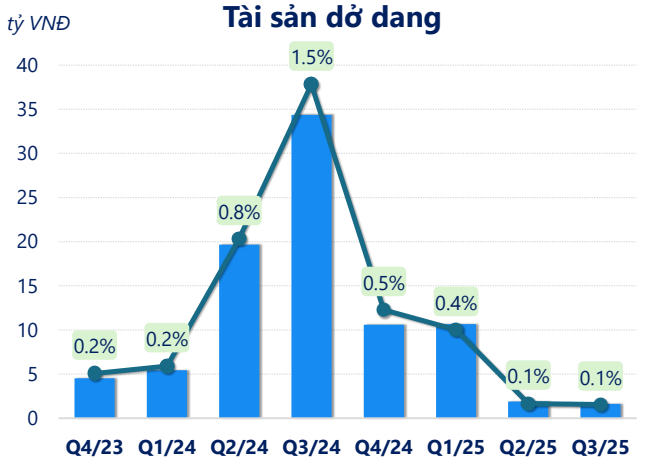
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



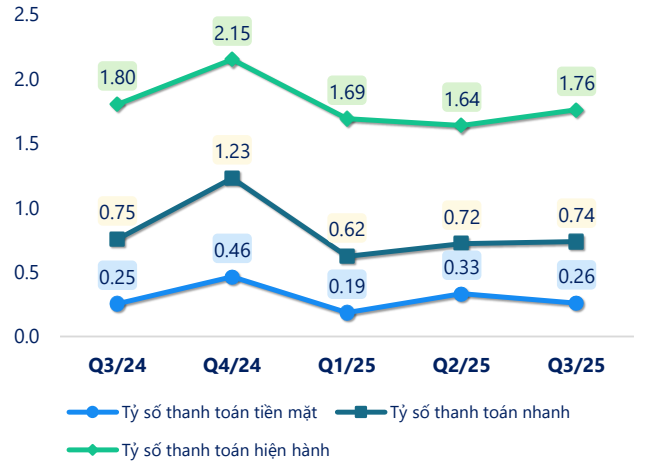
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



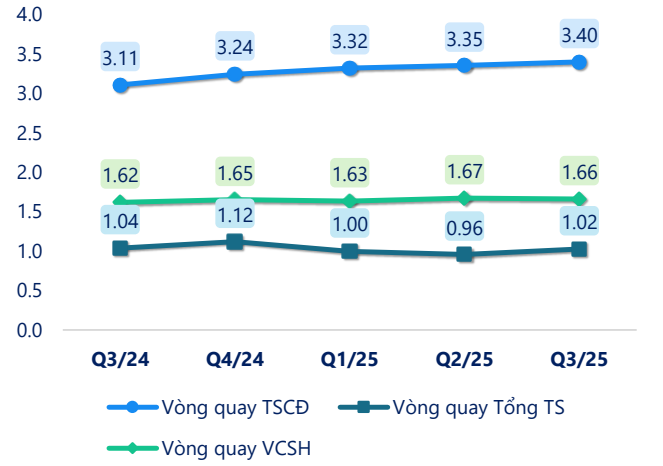
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,270**	**2,154**	**2,657**	**2,811**	**2,605**
Tài sản ngắn hạn	**1,425**	**1,292**	**1,815**	**1,968**	**1,780**
Tiền và tương đương tiền	202	279	199	400	261
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	2.03	18.0	57.4	79.7
Phải thu ngắn hạn	377	446	427	390	384
Hàng tồn kho	828	554	1,147	1,101	1,035
Tài sản ngắn hạn khác	13.2	11.8	23.0	19.3	21.0
Tài sản dài hạn	**846**	**862**	**842**	**843**	**825**
Phải thu dài hạn	2.11	0.82	2.11	0.82	2.11
Tài sản cố định	725	768	754	759	745
Bất động sản đầu tư	10.5	10.8	10.5	10.2	9.87
Tài sản dở dang	34.3	10.6	10.6	1.88	1.63
Đầu tư tài chính dài hạn	26.1	26.1	26.1	26.1	26.1
Tài sản dài hạn khác	36.3	40.2	38.6	45.1	39.9
Lợi thế thương mại	11.6	5.81	0	0	0
Nợ phải trả	**823**	**633**	**1,106**	**1,234**	**1,044**
Nợ ngắn hạn	**790**	**601**	**1,073**	**1,201**	**1,011**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	421	195	775	855	753
Phải trả người bán ngắn hạn	95.1	121	96.6	99.4	39.1
Nợ dài hạn	32.6	32.6	32.6	32.7	32.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,447**	**1,521**	**1,551**	**1,577**	**1,561**
Vốn chủ sở hữu	**1,447**	**1,521**	**1,551**	**1,577**	**1,561**
Vốn điều lệ	176	176	176	176	176
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)